

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2020/DS-PT

Ngày 15 - 10 - 2020

V/v Tranh chấp chia thừa kế, yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 548/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3614/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/. Ông Trương Tấn S, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2/. Bà Trương Thị L, sinh năm 1947.

Địa chỉ: tổ 6, ấp C1, thị trấn P, huyện P1, tỉnh An Giang. (có mặt)

3/. Ông Trương Thanh H, sinh năm 1949.

Địa chỉ: khóm B 6, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh H: Ông Phan Hòa Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Thị Phương Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1/. Bà Trương Thị Thanh Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khóm B1, phường B2, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2/. Bà Trương Thị Thanh L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: đường Tr, khu phố 4, phường L, thành phố P3, tỉnh Bình Thuận.
(có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ủy ban nhân dân thành phố L. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Ông Trương Thanh L1 (đã chết năm 2015).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L1:

+ Bà Trương Thị Thanh Đ, sinh năm 1972. (có mặt)

+ Bà Trương Thị Thanh L, sinh năm 1974. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/. Bà Trương Thị Thu H1, (đã chết năm 1988).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà Thu H:

+ Ông Nguyễn Văn L2 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1974. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1981. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm B1, phường B2, thành phố L, tỉnh An Giang.

4/. Bà Vương Kim L1, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B3, xã B4, huyện C2, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền của bà L: Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường C3, phường M3, thành phố L, tỉnh An Giang

5/. Cháu Trần Thanh T, sinh năm 2008.

6/. Cháu Trần Ngọc M, sinh năm 2013.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T và cháu M: Bà Trương Thị Thanh L. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Tr, khu phố 4, phường L, thành phố P3, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Thanh H, bà Trương Thị Thanh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Thanh H, đồng thời là đại diện ủy quyền của các đồng nguyên đơn khác trình bày:

Cha mẹ các ông, bà là ông Trương Văn Ng (chết năm 1962) và bà Trần Thị Ng (chết năm 2018) có 05 người con, gồm: Trương Thị L, Trương Thanh H, Trương Thanh L1 (đã chết năm 2015), Trương Tấn S, Trương Thị Thu H1 (đã chết năm 1983). Trước khi bà Ng chết, có khởi kiện yêu cầu bà Đ, bà L trả lại diện tích đất 281,5m² và nhà trên đất, vì bà Ng cho rằng việc bà Đ, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng theo pháp luật và việc ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Ng cũng không hay biết. Nguồn gốc đất này là của cha mẹ để lại chứ không phải của ông L1 mà ông L1 có quyền cho lại bà Đ, bà L. Vì vậy, các đồng nguyên đơn yêu cầu chia giá trị phần di sản là diện tích đất 281,5m² và nhà trên đất (tọa lạc tại số 110/6, khóm B, phường B2, thành phố L) thành 05 phần bằng nhau cho 05 người con. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06791 ngày 03/8/2015, thửa 02, tờ bản đồ 04, diện tích 281,5m² do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Trương Thị Thanh Đ.

Hiện tại, bị đơn bà Đ, bà L đã chuyển nhượng cho người khác một phần diện tích đất nói trên nên các ông bà tiếp tục yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà Đ, bà L để chia giá trị đất, nhà có trên đất ra làm 05 phần bằng nhau cho 05 anh em, trong đó bà Đ, bà L chỉ được hưởng 01 phần của ông L1.

Nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày: Diện tích đất 281,5m² này của cha, mẹ bà để lại. Mẹ bà nuôi bà Đ, bà L từ nhỏ đến khi chết. Bà thống nhất theo lời trình bày của ông H, yêu cầu bà L, bà Đ không được quyền chuyển nhượng diện tích đất này.

Bị đơn bà Trương Thị Thanh Đ, Trương Thị Thanh L trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp này là của cha các bà để lại cho hai chị em. Ông L1 (tức cha bà Đ, bà L) sống cùng bà Ng (bà nội) tại nhà, đất này từ 1975 đến nay. Ông L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 đúng theo quy định, đến năm 2015 thì ông L1 tách diện tích đất 281,5m² chia cho hai chị em, mỗi người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 122,5m². Do không có nhu cầu sử dụng nên bà Đ chuyển nhượng diện tích đất 122,5m² lại cho bà Vương Kim L vào năm 2018. Còn bà L thì vẫn để nhà, đất sử dụng đến nay.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia diện tích đất 281,5m² chia làm 05 phần bằng nhau thì các bà không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L2 trình bày:

Ông là chồng bà Thu H, ông không yêu cầu chia thừa kế. Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp chia thừa kế đối với diện tích đất 281,5m² và xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông thống nhất được chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 281,5m² của ông bà ngoại (bà Ng, ông Ng) để lại, chia làm 05 phần bằng nhau, mỗi người con được hưởng 01 phần như ý kiến của ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hồng S đại diện ủy quyền của bà L trình bày: Bà L1 đã nhận chuyển nhượng đất của bà Đ vào tháng 08/2018 và đã được Sở tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng đất giữa bà L1 với bà Đ được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi xin phép thì bà L1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy phép xây dựng ngày 10/10/2018, vào các ngày 18, 22, 26/10/2018, khi bà L1 chuẩn bị xây dựng thì ông H, bà Trương Thị L cùng nhiều người khác đến ngăn cản. Bà L1 yêu cầu được tiếp tục xây dựng nhà, yêu cầu các cơ quan chức năng hỗ trợ cho bà được thi công hoàn thành căn nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, 37, 74, 143, 144, 145 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/ 2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 649, Điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Ng.

Di sản thừa kế của cụ Trần Thị Ng có giá trị 1.150.000.000 đồng.

Các hàng thừa kế của cụ Trần Thị Ng: Ông Trương Tấn S, bà Trương Thị L, ông Trương Thanh H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà Trương Thị Thu H1: ông Nguyễn Văn L2; Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị D, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Thanh L1 gồm: bà Trương Thị Thanh Đ, bà Trương Thị Thanh L.

Ông Trương Tấn S được chia 125.000.000 đồng.

Bà Trương Thị L được chia 125.000.000 đồng.

Ông Trương Thanh H được chia 125.000.000 đồng.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà Trương Thị Thu H1 (do ông Nguyễn Văn Tr đại diện nhận) được chia 125.000.000 đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Thanh L1 (bà L, bà Đ) được chia 125.000.000 đồng (125.000.000 đồng cộng với công sức gìn giữ di sản và nuôi cụ Ng 525.000.000 đồng, tổng cộng 650.000.000 đồng).

Bà Trương Thị Thanh Đ có nghĩa vụ giao lại cho ông Sĩ, bà Trương Thị L, ông H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà Trương Thị Thu H1 mỗi suất thừa kế là 125.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK776682 và CH776683 ngày 16/8/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Thanh Đ, bà Trương Thị Thanh L đứng tên.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Đ và bà L là hợp pháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/7/2019, ông Trương Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 11/7/2019, bà Trương Thị Thanh Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị Thanh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: theo biên bản hòa giải (BL 22), nguồn gốc đất do ông Ng có công với chế độ cũ nên được cấp cho cụ Ng (vợ ông Ng). Văn bản ủy quyền của cụ Ng chỉ có nội dung ủy quyền, không phải di chúc, cụ Ng không biết chữ nên văn bản này là không có thật. Cụ Ng không để lại di chúc hay ủy quyền cho ông L1 định đoạt tài sản, cụ Ng cũng đã khởi kiện năm 2016 nhưng bị thất lạc đơn khởi kiện, việc khởi kiện là còn trong thời hiệu. Theo Điều 623 Bộ luật dân sự 2015, ông L1 đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có văn bản nào chứng minh việc tặng cho hay ủy quyền định đoạt là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm chia di sản là quyền sử dụng đất tranh chấp thành 6 phần bằng nhau, 05 phần cho mỗi người con của bà Ng, 01 phần cho bà L do có công chăm sóc bà Ng; không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Trương Thị Thanh Đ trình bày: trước khi bà Ng mất, Tòa án tỉnh có mời bà Ng đến hỏi bà có kiện 02 cháu bà không, bà Ng trả lời không. Đất tranh chấp là của cha bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận, cha bà cho lại bà và bà được cấp giấy chứng nhận đúng theo pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ theo Án lệ số 26 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990, thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn. Mặt khác, ông L1 được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất do kê khai nguồn gốc sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1975 mà không có giấy tờ chứng minh việc được tặng cho là không đúng quy định nên toàn bộ diện tích đất tranh chấp là di sản của ông Ng, bà Ng. Bản án sơ thẩm xét xử là chưa đủ căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Đ, chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm, xác định toàn bộ diện tích đất 281,5m² là di sản thừa kế của bà Trần Thị Ng và chia giá trị tài sản này thành 06 phần bằng nhau, 01 phần cho bà L do có công chăm sóc bà Ng, 05 phần còn lại chia cho mỗi người thừa kế của bà Ng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Thanh H, bà Trương Thị Thanh Đ làm trong hạn luật định, hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn đều xác định diện tích đất tranh chấp 281,5m² tọa lạc tại số 110/6 khóm B, phường B2, thành phố L, tỉnh An Giang có nguồn gốc chế độ cũ cấp cho bà Trần Thị Ng, do ông Ng có công với cách mạng. Ông Ng và bà Ng có 05 người con gồm bà Trương Thị L, ông Trương Thanh H, ông Trương Tấn S, bà Trương Thị Thu H1 (đã chết) và ông Trương Thanh L1 (đã chết). Ông Trương Văn Ng chết năm 1962. Nhà đất tại số 110/6 khóm B do bà Ng ở cùng với con trai là ông Trương Thanh L1 và 02 con ông L1 là bà Trương Thị Thanh L, Trương Thị Thanh Đ từ trước 1975 đến nay.

Nguyên đơn ông Trương Tấn S, bà Trương Thị L, ông Trương Thanh H cho rằng diện tích đất 281,5m² tọa lạc tại số 110/6 khóm B là di sản do ông Trương Văn Ng, bà Trần Thị Ng để lại và đề nghị chia thừa kế cho 05 người con của ông Ng, bà Ng.

Bị đơn bà Trương Thị Thanh Đ và Trương Thị Thanh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng nhà đất nêu trên không phải di sản thừa kế; lúc còn sống bà Ng đã cho ông L1, ông L1 tặng cho lại các con là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nhà đất tại số 110/6 khóm B, phường B2, thành phố L, tỉnh An Giang có nguồn gốc do ông Trương Văn Ng và bà Trần Thị Ng được chế độ cũ cấp; tuy nhiên quá trình sử dụng ông Ng, bà Ng không tiến hành đăng ký kê khai quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Năm 1976, bà Ng có làm “Mẫu kê khai từng biển số nhà (B)”, nội dung kê khai 01 ngôi nhà trệt cát năm 1966, biển số nhà

385/34 ấp B, tổ 40, người đang ở Trần Thị Ng (BL114). Theo nội dung kê khai này thì căn nhà được cất năm 1966 – sau khi ông Ng đã chết (ông Ng chết năm 1962). Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình thì nhà đất tại số 110/6 khóm B (trước là 385/34 ấp B) không được xem là di sản do ông Ng để lại, việc công nhận quyền sử dụng đất phải dựa trên thực tế sử dụng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ số 465-BĐ ngày 30/10/1976 (BL132) thể hiện trong hộ chỉ có 04 nhân khẩu sinh sống gồm bà Trần Thị Ng, ông Trương Thanh L1, bà Trương Thị Thanh L và bà Trương Thị Thanh Đ. Các bên đương sự cũng đều thừa nhận từ trước năm 1975 đến nay nhà đất tranh chấp chỉ có 04 người bà Ng, ông L1, bà L, bà Đ sử dụng.

Ngày 16/10/1995, bà Ng làm đơn xin chỉnh tên trong bảng kê khai nhà đất có nội dung ủy quyền cho ông L1 được đóng thuế và trọn quyền sử dụng nhà đất, có xác nhận của Ban nhân dân tự quản B1 (BL113). Sau đó, từ năm 1995 ông L1 là người kê khai, đóng thuế nhà đất và sử dụng ổn định liên tục; đến năm 2005, ông L1 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 có ký giáp ranh, được niêm yết công khai nhưng không có ai có ý kiến phản đối, khiếu nại. Ngày 16/8/2006, ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008 ông L1 được cấp phép xây dựng và xây dựng nhà kiên cố trên đất. Bà Ng chung sống cùng ông L1, biết việc ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, xây cất nhà kiên cố trên đất từ năm 2008 nhưng không có ý kiến phản đối, khiếu nại. Đến năm 2017 bà Ng mới làm đơn khởi kiện yêu cầu các con của ông L1 trả lại nhà đất.

Hội đồng xét xử xét thấy tại đơn xin chỉnh tên trong bảng kê khai nhà đất ngày 16/10/1995 bà Ng đã thể hiện ý chí cho ông L1 được “trọn quyền sử dụng” nhà đất. Quá trình từ năm 1995 đến năm 2017 (thời điểm bà khởi kiện các con của ông L1) là 22 năm, bà Ng vẫn chung sống cùng ông L1, bà L, bà Đ trên đất, được những người này chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chung sống, bà Ng không phản đối việc ông L1 đóng thuế, kê khai cấp quyền sử dụng đất, xây dựng nhà kiên cố trên đất, chứng minh rằng bà Ng thừa nhận việc tặng cho phần quyền của mình tại nhà đất nêu trên cho ông L1.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định toàn bộ diện tích đất 281,5m² tọa lạc tại số 110/6 khóm B, phường B2, thành phố L, tỉnh An Giang là di sản của ông Ng, bà Ng để lại và yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

Ông Trương Thanh L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng với quy định pháp luật. Năm 2015, ông L1 lập hợp đồng tặng cho các con là bà Trương Thị Thanh L, Trương Thị Thanh Đ diện tích đất tranh chấp; hợp đồng tặng cho được công chứng, chứng thực hợp pháp. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Thanh L, Trương Thị Thanh Đ là đúng quy định pháp luật.

Cấp sơ thẩm nhận định quyền sử dụng đất tại số 281,5m² tọa lạc tại số 110/6 khóm B là tài sản chung của bà Ng và ông L1; đồng thời chia thừa kế đối với phần diện tích đất 122,5m² bà Trương Thị Thanh Đ đứng tên sử dụng là không có căn cứ, không phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vương Kim L1: Ngày 21/8/2018, bà Đ chuyển nhượng diện tích đất 122,5m² cho bà L1 trong khi bà Ng đang khởi kiện tranh chấp với bà Đ diện tích đất trên. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang công nhận hợp đồng chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, như đã phân tích ở mục [2.2], việc bà Ng khởi kiện yêu cầu bà L, bà Đ trả lại đất và các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không có cơ sở; bà Đ, bà L được công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK776682 và CH776683 ngày 16/8/2017 là hợp pháp; hiện bà Đ và bà L1 không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa với bà Đ và bà L1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L1.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Trương Thanh H không có căn cứ chấp nhận; kháng cáo của bà Trương Thị Thanh Đ có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí:

- Chi phí tố tụng: Các đồng nguyên đơn ông Trương Tấn S, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị L liên đới chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá, thẩm định. Số tiền này ông Trương Thanh H đã tạm ứng; ông Trương Tấn S, bà Trương Thị L có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Trương Thanh H phần nghĩa vụ của mình.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Tấn S, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Trương Tấn S, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị L là người cao tuổi nên được miễn.

Bà Trương Thị Thanh Đ, Trương Thị Thanh L không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Thanh H được miễn. Bà Trương Thị Thanh Đ không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh H.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Thanh Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Tấn S, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị L về việc:

- Yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 281,5m² tọa lạc tại số 110/6 khóm B, phường B2, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK776682 và CH776683 ngày 16/8/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Trương Thị Thanh Đ, bà Trương Thị Thanh L.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị Thanh Đ và Vương Kim L1 vô hiệu; hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 564171 ngày 10/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Vương Kim L1.

2/. Chi phí tố tụng: Các đồng nguyên đơn ông Trương Tấn S, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị L liên đới chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá, thẩm định. Số tiền này ông Trương Thanh H đã tạm ứng; ông Trương Tấn S, bà Trương Thị L có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Trương Thanh H phần nghĩa vụ của mình.

3/. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Tấn S, ông Trương Thanh H, bà Trương Thị L.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho bà Trương Thị Thanh Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004247 ngày 11/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Hoàn lại cho ông Trương Thanh H 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005166 ngày 23/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- ĐS (11);
- Lưu VP(3), HS(2). 21b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng